

**BỘ NGOẠI GIAO**

Số: 4432/BNG-LPQT

V/v xin ý kiến đối với dự thảo Luật sửa đổi,  
bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2025***Kính gửi:**

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Văn phòng Chủ tịch nước.

Thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn tại văn bản số 183/TB-VPCP ngày 16/4/2025 về việc kiến nghị sửa đổi một số điều của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 theo quy trình, thủ tục rút gọn để trình Quốc hội vào Kỳ họp cuối năm 2025, Bộ Ngoại giao đã trình Chính phủ về đề xuất xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn và bổ sung vào chương trình lập pháp năm 2025.

Thực hiện quy định tại Điều 51 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Ngoại giao đã xây dựng hồ sơ dự án Luật bao gồm: (1) dự thảo Tờ trình Chính phủ; (2) dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế; (3) Bảng so sánh dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế với Luật Điều ước quốc tế năm 2016; (4) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Để có cơ sở báo cáo Chính phủ, Bộ Ngoại giao trân trọng đề nghị Quý Cơ quan đóng góp ý kiến bằng văn bản đối với hồ sơ dự án Luật nêu trên.

Công văn trả lời xin gửi về Bộ Ngoại giao **trước ngày 21/7/2025**, đồng thời gửi ý kiến qua email: [treaty.mofavn@gmail.com](mailto:treaty.mofavn@gmail.com). Đầu mối liên hệ: đ/c Nguyễn Thị Thuý Hằng, Vụ Luật pháp và Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao, điện thoại: 024 3799 5815 / 0912510310. Quá thời hạn nêu trên, xin được hiểu là Quý Cơ quan không có ý kiến đối với các dự thảo.

Bộ Ngoại giao trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của Quý Cơ quan./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng Bùi Thanh Sơn (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (để đăng tải);
- Lưu: HC, LPQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG***Lê Anh Tuấn*  
**Lê Anh Tuấn**

Số: /TTr-BNG-LPQT

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

**TỜ TRÌNH**  
**về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế**

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Ngoại giao kính trình Chính phủ dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế (ĐUQT) theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN****1. Cơ sở chính trị, pháp lý**

Trong thời gian qua, các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và Chính phủ trong công tác ký kết ĐUQT được thể hiện trong nhiều Nghị quyết và văn bản quan trọng, trong đó nổi bật là:

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị đặt ra yêu cầu về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, quan điểm chỉ đạo xây dựng pháp luật nhằm “*nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực, đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “hai con số”, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước*”.

- Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới chỉ rõ yêu cầu chủ động, tích cực hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả nhằm phát huy tiềm năng, thế và lực mới của đất nước, tạo động lực quan trọng để phát triển nhanh, bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc từ sớm từ xa. Trong đó, hội nhập kinh tế là trung tâm, hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế, góp phần củng cố quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, đưa nền kinh tế tham gia sâu rộng hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu. Nghị quyết cũng xác định nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách và pháp luật về hội nhập quốc tế, tăng cường tính tương thích giữa các cam kết,

thỏa thuận quốc tế với các quy định của nội luật, cải thiện năng lực thực thi trên các lĩnh vực.

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới yêu cầu *“tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước”*.

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

- Thề chế hóa quan điểm *“thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương; giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm”*; *“đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương, bảo đảm đủ điều kiện, nguồn lực để thực hiện, nâng cao vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương”* tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại đã quy định về phân cấp thẩm quyền của Chính phủ cho Thủ tướng Chính phủ trong các nhiệm vụ: trình Chủ tịch nước về việc đàm phán ĐUQT nhân danh Nhà nước (khoản 1 Điều 8), trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn ĐUQT (khoản 1 và khoản 2 Điều 30), quyết định thay đổi người được ủy quyền ký ĐUQT nhân danh Chính phủ (khoản 4 Điều 63), quyết định cho phép ký ĐUQT theo mẫu quy định tại ĐUQT (khoản 1 Điều 72), quyết định sửa đổi, bổ sung ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn (khoản 1 Điều 73), quyết định gia hạn ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 74). Do đó, các quy định này cần được “luật hóa” nhằm bảo đảm hiệu lực thực thi lâu dài, ổn định.

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giai đoạn giải ngân vốn đầu tư công.

- Tại Nghị quyết số .../NQ-CP ngày..., Chính phủ đã thông qua đề xuất xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế, trình Quốc hội cho ý kiến và xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV; đồng thời báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự án Luật vào Chương trình lập pháp năm 2025 theo trình tự, thủ tục rút gọn.

## 2. Cơ sở thực tiễn

Luật ĐUQT được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 09/4/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2016.

Việc ban hành Luật đánh dấu mốc mới trong thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về đối ngoại, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh hội nhập quốc tế. Luật đã cụ thể hóa các quy định mới của Hiến pháp năm 2013 về thẩm quyền của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực ĐUQT; quy định của Hiến pháp về tôn trọng và góp phần triển khai thực hiện, bảo vệ quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, nguyên tắc dân chủ, pháp quyền. Luật đã tạo khung pháp lý chặt chẽ, linh hoạt, nhấn mạnh quyền chủ động của các cơ quan trong đề xuất ký kết và triển khai thực hiện ĐUQT đi kèm với trách nhiệm, có cơ chế phân công, phối hợp, kiểm tra, đáp ứng nhu cầu ký kết và thực hiện ĐUQT, phù hợp với lợi ích của đất nước. Luật đã lần đầu tiên xây dựng quy trình thủ tục rút gọn nhằm đẩy nhanh tiến độ ký kết ĐUQT, đáp ứng yêu cầu đối ngoại. Luật tiếp tục hoàn thiện thêm một bước cơ chế bảo đảm thực hiện đầy đủ, nghiêm túc cam kết quốc tế của Việt Nam thông qua quy trình thống nhất, liên tục giữa ký kết và thực hiện ĐUQT, theo đó phân định rõ trách nhiệm của cơ quan đề xuất và các cơ quan khác xuyên suốt từ giai đoạn chuẩn bị, tổ chức đàm phán tới phê chuẩn, phê duyệt và tổ chức thực hiện ĐUQT.

Sau gần 10 năm triển khai thi hành Luật, công tác ký kết và thực hiện ĐUQT đã đi vào nề nếp, bài bản; chất lượng ngày càng tăng, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại nói chung, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng thẩm quyền hiến định về ĐUQT. Mặc dù tới nay, hầu hết quy định của Luật vẫn phù hợp song quá trình thực hiện cũng đã bộc lộ một số điểm bất cập, chưa phù hợp cần được nghiên cứu sửa đổi, bổ sung. Cụ thể, một số quy định về thủ tục đàm phán, ký, phê duyệt, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT còn chưa đủ rõ, dẫn đến cách hiểu khác nhau khi áp dụng, trong đó có quy định về trình tự, thủ tục rút gọn trong ký kết ĐUQT. Quy định về trình tự, thủ tục rút gọn áp dụng đối với ĐUQT về vốn ODA, vay ưu đãi chưa đáp ứng yêu cầu đẩy nhanh tiến độ ký kết và thực hiện dự án ODA, vay ưu đãi, đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công do các quy định này chưa phù hợp với tính chất đặc thù của các ĐUQT này. Ngoài ra, cần thiết sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật ĐUQT nhằm thực hiện cải cách hành chính, đẩy mạnh phân quyền, phân cấp trong ký kết ĐUQT, thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác ký kết ĐUQT, đồng thời bảo đảm đồng bộ với các quy định pháp luật liên quan,

Từ những lý do trên, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn là nhu cầu cấp thiết nhằm khẩn trương khắc phục các “điểm nghẽn” trong Luật ĐUQT hiện hành, đẩy nhanh quy trình, thủ tục ký kết ĐUQT, nhất là đối với ĐUQT về vốn ODA và vốn vay ưu đãi nhân danh Nhà nước, đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước trong tình hình mới.

## II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

### 1. Mục đích

Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật ĐUQT để khắc phục một số vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện thời gian qua tạo thành “điểm nghẽn” đối với công tác ký kết ĐUQT, đặc biệt đối với ĐUQT về vốn ODA, vốn vay ưu đãi; góp phần đơn giản hóa trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và tổ chức thực hiện ĐUQT đáp ứng yêu cầu công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, thúc đẩy giải ngân đầu tư công. Hoàn thiện cơ sở pháp lý, đồng bộ, thống nhất và nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về ĐUQT.

### 2. Quan điểm xây dựng dự án Luật

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT được thực hiện theo các quan điểm chỉ đạo cơ bản sau:

- Thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về đối ngoại, đặc biệt là chủ trương hội nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả; về đổi mới tư duy trong xây dựng pháp luật theo hướng giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển; về nâng cao hiệu quả đầu tư công và đẩy nhanh giải ngân đầu tư công.

- Bảo đảm phù hợp với Hiến pháp năm 2013 và các quy định pháp luật liên quan.

- Thực hiện cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại theo tinh thần các Nghị quyết, Kết luận của cấp có thẩm quyền và quy định pháp luật; đơn giản hóa trình tự, thủ tục phù hợp với thực tế, bảo đảm tính hợp lý, khả thi, linh hoạt, chặt chẽ, gắn với trách nhiệm của các cơ quan liên quan.

- Kế thừa những quy định còn phù hợp của Luật ĐUQT; đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật; có tham khảo kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam; đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

## III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO LUẬT

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Ngoại giao đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục như sau đối với quy trình soạn thảo dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn:

- Lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan liên quan về dự thảo Tờ trình đề xuất xây dựng dự án Luật theo trình tự, thủ tục rút gọn tại Công văn số 2775/BNG-LPQT ngày 27/6/2025.

- Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số .../NQ-CP ngày... thông qua đề xuất xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn. Chính phủ đã có Tờ trình số .../TTr-CP ngày .../7/2025 về việc đề xuất bổ sung xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2025.

- Bộ Ngoại giao đã thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế tại Quyết định số .../QĐ-BNG ngày .../7/2025.

- Bộ Ngoại giao đã đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Ngoại giao lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

- Bộ Ngoại giao đã lấy ý kiến các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan, tổ chức liên quan về hồ sơ dự án Luật tại Công văn số .../BNG-LPQT ngày .../7/2025 và tiến hành tổng kết, tiếp thu, giải trình ý kiến của các cơ quan.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO LUẬT**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

a) Phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT quy định về ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và tổ chức thực hiện ĐUQT.

b) Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức có liên quan đến công tác ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn và tổ chức thực hiện ĐUQT.

##### **2. Bố cục của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật bao gồm 3 điều với bố cục như sau:

- Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT
- Điều 2: Điều khoản thi hành
- Điều 3: Điều khoản chuyển tiếp

##### **3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật**

Dự thảo Luật quy định những nội dung chính như sau:

a) Nội dung sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Luật ĐUQT, khắc phục một số khó khăn, vướng mắc hiện nay

- Sửa đổi khoản 3 Điều 70 để quy định trình tự, thủ tục đàm phán, ký, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT (bao gồm cả ĐUQT nhân danh Nhà nước và ĐUQT nhân danh Chính phủ) về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công, pháp luật về đầu tư công.

- Sửa đổi Điều 10 nhằm quy định việc trình kết thúc đàm phán chỉ trong trường hợp cần thiết và cơ quan đề xuất ký kết chủ động quyết định về trình kết thúc đàm phán; quy định trường hợp đã có chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng



Chính phủ về việc cho phép đàm phán ĐUQT thì hồ sơ trình về việc đàm phán ĐUQT chỉ cần nêu về ủy quyền đàm phán mà không cần nhắc lại các nội dung khác

- Sửa đổi Điều 54 theo hướng quy định một quy trình chung đối với tất cả các trường hợp (“ký kết ĐUQT mới” và “không ký kết ĐUQT mới”) sửa đổi, bổ sung ĐUQT.

- Bổ sung khoản 3 Điều 58 quy định hồ sơ đề xuất ký kết ĐUQT, ĐUQT được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, qua đó tạo cơ sở pháp lý cho quy định của Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành về lưu trữ hồ sơ ký kết ĐUQT và ĐUQT (hiện nay Bộ Ngoại giao đang xây dựng Thông tư về lưu trữ trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao).

Các sửa đổi, bổ sung nêu trên nhằm hoàn thiện các quy định của Luật ĐUQT, thể chế hóa chủ trương về tăng cường giải ngân đầu tư công, tăng cường hội nhập quốc tế trên các lĩnh vực, đảm bảo tính đồng bộ giữa các luật.

b) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục

- Rút ngắn thời gian thời gian cơ quan, tổ chức liên quan cho ý kiến, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp cho ý kiến kiểm tra, thẩm định hồ sơ ký ĐUQT (sửa đổi, bổ sung các Điều 9, 13, 18, 20, 30, 39... Luật ĐUQT).

- Cắt giảm yêu cầu xin ý kiến các cơ quan liên quan trong thủ tục trình phê duyệt, phê chuẩn ĐUQT trong trường hợp nội dung ĐUQT không thay đổi so với khi trình ký; cho phép cơ quan đề xuất ký kết có thể chủ động quyết định về việc xin ý kiến (sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật ĐUQT).

- Đơn giản hóa, đồng bộ hồ sơ gửi gửi xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, giảm tải yêu cầu cơ quan đề xuất phải xây dựng 2 bộ hồ sơ khác nhau để gửi xin ý kiến kiểm tra và ý kiến thẩm định (bãi bỏ Điều 19 và sửa đổi, bổ sung Điều 21).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục rút gọn, tạo thuận lợi cho việc áp dụng và đẩy nhanh quy trình: quy định rõ cấp có thẩm quyền quyết định mẫu ĐUQT cấp Nhà nước và cấp Chính phủ tương ứng là Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ (khoản 1 Điều 72); sửa đổi Điều 71 về đồng thời đàm phán và ký ĐUQT để có thể đồng thời đàm phán và ký ĐUQT trước khi đàm phán hoặc trước khi ký; bổ sung Điều 71a quy định về đồng thời trình ký và phê duyệt ĐUQT trong trường hợp ĐUQT có thể áp dụng ngay, không đòi hỏi sửa đổi, bổ sung văn bản QPPL.

- Sửa đổi quy định về đăng tải ĐUQT trên Công báo điện tử, thay cho Công báo giấy; bổ sung quy định về giá trị của văn bản ĐUQT đăng tải trên Công báo điện tử có giá trị như bản sao ĐUQT được Bộ Ngoại giao cấp, qua đó đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính về xin cấp bản sao ĐUQT, tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, trong việc sử dụng bản sao ĐUQT trong thực hiện thủ tục hành chính, nhất là liên quan đến thủ tục về thuế xuất nhập khẩu, lao động ở nước ngoài (Điều 60).

Việc cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục có thể tiết kiệm chi phí cho cơ quan, tổ chức; tăng năng suất và hiệu quả công việc; gắn với trách nhiệm của cơ quan đề xuất; thực hiện chuyển đổi số trong công tác ký kết và thực hiện ĐUQT; thể chế hóa chủ trương, nhiệm vụ, chính sách về khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ rào cản tiếp cận thị trường, các cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân, cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ pháp luật của tư nhân.

**c) Nội dung thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại**

- Phân quyền từ Chính phủ cho Thủ tướng Chính phủ trong trình Chủ tịch nước về việc đàm phán ĐUQT nhân danh Nhà nước (khoản 1 Điều 8), trình Chủ tịch nước quyết định ký, gia nhập ĐUQT nhân danh Nhà nước (Điều 13, 41), trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn ĐUQT (khoản 1 và khoản 2 Điều 30), quyết định thay đổi người được ủy quyền ký ĐUQT nhân danh Chính phủ (khoản 4 Điều 63); trình Chủ tịch nước quyết định ký, gia nhập ĐUQT cấp Nhà nước.

- Phân quyền cho Thủ tướng Chính phủ trong quyết định cho phép ký ĐUQT theo mẫu (khoản 1 Điều 72).

- Bổ sung Điều 72a, quy định việc Chủ tịch nước, Chính phủ ủy quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đàm phán, ký các điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước trong trường hợp cần thiết để kịp thời xử lý các yêu cầu thực tế.

- Phân quyền từ Chủ tịch nước, Chính phủ cho Thủ tướng Chính phủ trong quyết định sửa đổi, bổ sung ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn (khoản 1 Điều 73), quyết định gia hạn ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 74).

Các nội dung nêu trên đã thể hiện rõ tinh thần phân quyền, phân cấp trong công tác ký kết ĐUQT, giao quyền chủ động, tự chủ nhiều hơn cho cơ quan đề xuất nhằm đáp ứng yêu cầu nhanh chóng, kịp thời trong hoạt động ký kết và thực hiện ĐUQT.

d) Điều khoản chuyển tiếp quy định các ĐUQT đã trình Chính phủ theo quy định tại Luật ĐUQT thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật ĐUQT.

## **V. Ý KIẾN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN LIÊN QUAN**

Bộ Ngoại giao đã gửi hồ sơ dự thảo Luật để xin ý kiến các Bộ, cơ quan liên quan và tổ chức, cá nhân chịu tác động trực tiếp của dự thảo Luật thông qua hình thức: Gửi văn bản lấy ý kiến (Công văn số .../BNG-LPQT ngày .../7/2025); đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và của Bộ Ngoại giao để lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.

Về cơ bản, các cơ quan, tổ chức liên quan nhất trí cơ bản với các nội dung của dự thảo Luật. Các ý kiến góp ý về kỹ thuật đã được Bộ Ngoại giao tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ và dự thảo Luật (Chi tiết tại Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT kèm theo).



## **VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN THÔNG QUA**

### **1. Nguồn nhân lực**

Dự kiến sau khi Luật được ban hành, các cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng thi hành Luật có trách nhiệm thực thi Luật, trong đó Bộ Ngoại giao chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc tổ chức triển khai thi hành Luật. Do công tác ký kết ĐUQT đã đang được Bộ Ngoại giao triển khai thực hiện bình thường nên dự kiến không phát sinh yêu cầu lớn về nguồn nhân lực thi hành, có thể tiếp tục bảo đảm trong biên chế hiện có của Bộ Ngoại giao.

Dự kiến các điều kiện bảo đảm cho thi hành sau khi Luật có hiệu lực cần được triển khai tại Bộ Ngoại giao và bộ, ngành, cơ quan liên quan bao gồm:

- Công tác phổ biến, tuyên truyền các nội dung của Luật để các Bộ, cơ quan liên quan; giải đáp kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các Bộ, cơ quan liên quan trong việc triển khai thực hiện quy định của Luật.
- Cân đối, bố trí ngân sách, triển khai hiệu quả công tác kiểm tra thực hiện Luật.

### **2. Nguồn lực tài chính**

Sau khi Luật được ban hành, dự kiến kinh phí thực thi gồm:

- Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Luật;
- Kinh phí để triển khai các nhiệm vụ do Luật quy định;
- Kinh phí phục vụ việc kiểm tra, theo dõi, tổng hợp, đánh giá tình hình thực thi Luật hằng năm.

Các kinh phí này được lồng ghép trong ngân sách chi thường xuyên của Bộ Ngoại giao và các Bộ, cơ quan liên quan.

### **3. Thời gian trình thông qua**

Bộ Ngoại giao đề xuất thông qua tại 1 kỳ họp vào Kỳ họp thứ 10 Quốc hội Khóa XV năm 2025.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế, Bộ Ngoại giao kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

*(Hồ sơ gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ĐUQT; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật; (3) Bảng tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý; (4) Báo cáo thẩm định; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định).*

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: HC, LPQT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

Luật số: /2025/QH15

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO 1

**LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU  
CỦA LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ**

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 203/2005/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025);*

*Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điều ước quốc tế**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đề xuất), căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 như sau:

“2. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.”

3. Bổ sung khoản 1a và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:

“1a. Trường hợp Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo bằng văn bản về việc quyết định đàm phán điều ước quốc tế, hồ sơ trình về việc đàm phán chỉ cần bao gồm nội dung kiến nghị ủy quyền đàm phán.

2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề xuất kiến nghị kết thúc đàm phán điều ước quốc tế. Hồ sơ trình về việc kết thúc đàm phán điều ước quốc tế phải có dự thảo điều ước quốc tế thể hiện phương án kết thúc đàm phán.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

**“Điều 13. Thẩm quyền đề xuất ký điều ước quốc tế**

1. Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu hợp tác quốc tế, cơ quan quy định tại Điều 8 của Luật này đề xuất để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc để Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.

2. Trước khi đề xuất ký điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan, ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp.

3. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức có liên quan đã có ý kiến về việc đàm phán điều ước quốc tế mà dự thảo điều ước quốc tế đề xuất ký có nội dung không thay đổi so với nội dung đàm phán đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì cơ quan đề xuất lấy ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp; không nhất thiết phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan khác.

4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 1 Điều 20 của Luật này.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 như sau:

“1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm kiểm tra điều ước quốc tế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 19 của Luật này hoặc trong thời hạn 20 ngày trong trường hợp thành lập Hội đồng kiểm tra quy định tại khoản 3 Điều này.”

6. Bãi bỏ Điều 19.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định điều ước quốc tế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 19 của Luật này hoặc trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

**“Điều 21. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế**

Hồ sơ đề nghị kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế bao gồm:

Văn bản đề nghị kiểm tra, thẩm định điều ước quốc tế;

Dự thảo hồ sơ trình về đề xuất ký điều ước quốc tế quy định tại Điều 17 Luật này, trừ ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ tư pháp.

2. Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là năm bộ.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 30 như sau:

**“Điều 30. Đề xuất phê chuẩn điều ước quốc tế**

1. Cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đối với điều ước quốc tế do Quốc hội phê chuẩn.

3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 39 như sau:

**“Điều 39. Đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế**

1. Cơ quan đề xuất trình Chính phủ quyết định phê duyệt điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp. Tùy theo tính chất, nội dung của điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất có thể quyết định việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.”

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41 như sau:

“1. Cơ quan quy định tại Điều 8 của Luật này, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Chính phủ để Chính phủ quyết định, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết

định hoặc trình để Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định về việc gia nhập điều ước quốc tế theo thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 43 của Luật này.”

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 48 như sau:

“2. Trong trường hợp bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế sau khi cơ quan đề xuất trình cấp có thẩm quyền về việc ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế thì Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan đề xuất ngay khi nhận được thông tin về việc bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.”

13. Sửa đổi, bổ sung Điều 54 như sau:

**“Điều 54. Sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.

2. Văn bản quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm các nội dung sau đây:

a) Tên của điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn; thời gian, địa điểm ký và thời điểm có hiệu lực;

b) Nội dung sửa đổi, bổ sung, thời gian gia hạn điều ước quốc tế;

c) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện như sau:

a) Cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi trình Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;

b) Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại Điều 39 của Luật này; trình Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại khoản 2 Điều 29 của Luật này;

c) Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại khoản 1 Điều 29 của Luật này;

d) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm a khoản 3 Điều này theo trình tự, thủ tục tương tự trình tự, thủ tục phê chuẩn điều ước quốc tế quy định tại các điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật này.

4. Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;

b) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức; kiến nghị biện pháp xử lý;

c) Văn bản điều ước quốc tế;

d) Đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan nhà nước có liên quan của Việt Nam.”

14. Bổ sung khoản 3 Điều 58 như sau:

“3. Hồ sơ đề xuất ký kết điều ước quốc tế, điều ước quốc tế được lưu trữ theo quy định pháp luật về lưu trữ.”

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 60 như sau:

**“Điều 60. Đăng tải điều ước quốc tế**

1. Điều ước quốc tế có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được đăng tải trên Công báo điện tử và Cổng thông tin điện tử của cơ quan đề xuất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài hoặc có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Trong trường hợp có yêu cầu không đăng tải điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm thông báo nội dung phải thực hiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quy định có liên quan của điều ước quốc tế.

2. Cơ quan Công báo đăng tải điều ước quốc tế trên Công báo điện tử trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Văn bản đăng tải trên Công báo điện tử có giá trị như bản sao điều ước quốc tế quy định tại Điều 61 của Luật này.



3. Cơ quan đề xuất đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải đăng tải cả bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt.

4. Bộ Ngoại giao đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày sao lục điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 59 của Luật này.”

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 63 như sau:

“4. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc thay đổi người được uỷ quyền ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; trình Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc thay đổi người được uỷ quyền ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước.

Trong trường hợp có sự thay đổi về người được uỷ nhiệm, cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục đối ngoại về cấp giấy uỷ quyền hoặc giấy uỷ nhiệm theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này sau khi có quyết định của Chủ tịch nước hoặc Thủ tướng Chính phủ.”

17. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 như sau:

“1. Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ về việc phê chuẩn, phê duyệt, quyết định gia nhập điều ước quốc tế, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 71a.”

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 70 như sau:

“3. Trình tự, thủ tục đàm phán, ký, phê duyệt, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế về vay nợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công”.

19. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 như sau:

**“Điều 71. Đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế**

Trong trường hợp cơ quan đề xuất xác định nội dung và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 17 của Luật này thì có thể đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế.”

20. Bổ sung Điều 71a như sau:

**“Điều 71a. Đồng thời đề xuất ký và phê duyệt điều ước quốc tế**

1. Trong trường hợp cơ quan đề xuất xác định điều ước quốc tế có thể được phê duyệt ngay sau khi ký và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 40 của Luật này thì có thể đồng thời đề xuất ký và phê duyệt điều ước quốc tế.

2. Bộ Ngoại giao tiến hành thủ tục thông báo đối ngoại về việc phê duyệt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính điều ước quốc tế theo khoản 1 Điều 26 của Luật này.

3. Trong trường hợp có những thay đổi dẫn đến việc đồng thời ký và phê duyệt không còn phù hợp, cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.”

21. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 1a Điều 72 như sau:

“1. Trình tự, thủ tục rút gọn được áp dụng đối với việc đàm phán, ký điều ước quốc tế trong các trường hợp sau đây:

a) Điều ước quốc tế theo mẫu được quy định tại điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cùng một bên ký kết nước ngoài hoặc theo mẫu được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;

b) Theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở kiến nghị của cơ quan đề xuất”.

1a. Thủ tướng Chính phủ quyết định mẫu điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định điều ước quốc tế mẫu nhân danh Nhà nước trên cơ sở kiến nghị của cơ quan đề xuất””

22. Bổ sung Điều 72a như sau:

Trường hợp cần thiết để kịp thời xử lý các yêu cầu thực tế, Chủ tịch nước, Chính phủ ủy quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đàm phán, ký các điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 73 như sau:

“1. Đối với những sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế chỉ mang tính kỹ thuật, không làm thay đổi tính chất quyền và lợi ích của Việt Nam, phù hợp với chủ trương ký kết điều ước quốc tế đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định, cơ quan đề xuất không nhất thiết phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan quy định tại điểm a khoản 5 Điều 54 của Luật này trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp được lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.”

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2025.

## **Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp**

Trường hợp cơ quan đề xuất đã đề xuất hoặc trình Chính phủ trước ngày Luật này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Luật Điều ước quốc tế.

*Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày....tháng.....năm 2025./.*

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**

**Trần Thanh Mẫn**

**BẢNG SO SÁNH QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH VÀ QUY ĐỊNH SỬA ĐỔI**

(Kèm theo Tờ trình số..../TTr-BNG ngày      tháng 7 năm 2025)

Điều, khoản, điểm được sửa đổi, bổ sung	Nội dung quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung
Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8	1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đề xuất), căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.	1. Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là cơ quan đề xuất), căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, <b>đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước</b> , đề xuất với Thủ tướng Chính phủ về việc đàm phán điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.
Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9	2. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.	2. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại điểm c khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.
Bổ sung khoản 1a và sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11	2. Trường hợp kiến nghị kết thúc đàm phán điều ước quốc tế thì hồ sơ trình phải có dự thảo điều ước quốc tế thể hiện phương án kết thúc đàm phán.	<b>1a. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của Đảng, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ đạo bằng văn bản về việc quyết định đàm phán điều ước quốc tế, hồ sơ trình về việc đàm phán chỉ cần bao gồm nội dung kiến nghị ủy quyền đàm phán.</b>  2. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan đề xuất kiến nghị kết thúc đàm phán điều ước quốc tế. Hồ sơ trình về

		việc kết thúc đàm phán điều ước quốc tế phải có dự thảo điều ước quốc tế thể hiện phương án kết thúc đàm phán.”
Sửa đổi, bổ sung Điều 13	<p>1. Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu hợp tác quốc tế, cơ quan quy định tại Điều 8 của Luật này đề xuất để Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc để Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.</p> <p>4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 1 Điều 20 của Luật này.</p>	<p>1. Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu hợp tác quốc tế, cơ quan quy định tại Điều 8 của Luật này đề xuất để <b>Thủ tướng Chính phủ</b> trình Chủ tịch nước quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước hoặc để Chính phủ quyết định ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ.</p> <p>4. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoặc theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 18 và khoản 1 Điều 20 của Luật này.”</p>
Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18	1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm kiểm tra điều ước quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 19 của Luật này hoặc trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp thành lập Hội đồng kiểm tra quy định tại khoản 3 Điều này.	1. Bộ Ngoại giao có trách nhiệm kiểm tra điều ước quốc tế trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 19 của Luật này hoặc trong thời hạn <b>20 ngày</b> trong trường hợp thành lập Hội đồng kiểm tra quy định tại khoản 3 Điều này.
Bãi bỏ Điều 19	<p>Điều 19. Hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế</p> <p>1. Văn bản đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế, trong đó có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.</p> <p>2. Dự thảo tờ trình Chính phủ về đề xuất ký điều ước</p>	(bãi bỏ)

	<p>quốc tế.</p> <p>3. Báo cáo đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</p> <p>4. Báo cáo đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế.</p> <p>5. Ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>6. Văn bản điều ước quốc tế.</p>	
Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20	1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định điều ước quốc tế trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 21 của Luật này hoặc trong thời hạn 60 ngày trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này.	1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm thẩm định điều ước quốc tế trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại Điều 21 của Luật này hoặc trong thời hạn <b>30 ngày</b> trong trường hợp thành lập Hội đồng thẩm định quy định tại khoản 3 Điều này.
Sửa đổi, bổ sung Điều 21	<p>Điều 21. Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế</p> <p>1. Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị thẩm định điều ước quốc tế, trong đó có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 20 của Luật này;</p> <p>b) Dự thảo tờ trình Chính phủ về đề xuất ký điều ước quốc tế;</p> <p>c) Báo cáo đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam;</p> <p>d) Ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức có liên quan;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:</p> <p>Điều 21. Hồ sơ đề nghị <b>kiểm tra</b>, thẩm định điều ước quốc tế</p> <p>1. Hồ sơ đề nghị <b>kiểm tra</b>, thẩm định điều ước quốc tế bao gồm:</p> <p>a) Văn bản đề nghị <b>kiểm tra</b>, thẩm định điều ước quốc tế;</p> <p>b) <b>Dự thảo hồ sơ trình về đề xuất ký điều ước quốc tế quy định tại Điều 17 Luật này, trừ ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ tư pháp.</b></p>



	đ) Văn bản điều ước quốc tế. 2. Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là năm bộ.	2. Số lượng hồ sơ gửi thẩm định là năm bộ.
Sửa đổi, bổ sung Điều 30	<p>1. Cơ quan đề xuất trình Chính phủ để Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>2. Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đối với điều ước quốc tế do Quốc hội phê chuẩn.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.</p>	<p>1. Cơ quan đề xuất trình <b>Thủ tướng</b> Chính phủ để <b>Thủ tướng</b> Chính phủ trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>2. <b>Thủ tướng</b> Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đối với điều ước quốc tế do Quốc hội phê chuẩn.</p> <p>3. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.”</p>
Sửa đổi, bổ sung Điều 39	<p>1. Cơ quan đề xuất trình Chính phủ quyết định phê duyệt điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.</p>	<p>1. Cơ quan đề xuất trình Chính phủ quyết định phê duyệt điều ước quốc tế sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp. Tùy theo tính chất, nội dung của điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất có thể quyết định việc lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>2. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn <b>10 ngày</b> kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến.</p>
Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 41	1. Cơ quan quy định tại Điều 8 của Luật này, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Chính phủ để Chính phủ quyết định, trình Chủ tịch nước quyết định hoặc trình để	1. Cơ quan quy định tại Điều 8 của Luật này, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Chính phủ để Chính phủ quyết định, <b><u>đề xuất với Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ</u></b>

	Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định về việc gia nhập điều ước quốc tế theo thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 43 của Luật này.	trình Chủ tịch nước quyết định hoặc trình đề Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định về việc gia nhập điều ước quốc tế theo thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 43 của Luật này.
Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 48	2. Trong trường hợp bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế sau khi cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế thì Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan đề xuất ngay khi nhận được thông tin về việc bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.	2. Trong trường hợp bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế sau khi cơ quan đề xuất trình <del>Chính phủ</del> <b>cấp có thẩm quyền</b> về việc ký, phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế thì Bộ Ngoại giao thông báo cho cơ quan đề xuất ngay khi nhận được thông tin về việc bên ký kết nước ngoài đưa ra bảo lưu đối với điều ước quốc tế. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.
Sửa đổi, bổ sung Điều 54	<p>1. Điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.</p> <p>2. Việc ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại Chương II của Luật này.</p> <p>3. Thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế trong trường hợp không ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được quy định như sau:</p> <p>a) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định</p>	<p>1. Điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn theo quy định của điều ước quốc tế đó hoặc theo thỏa thuận giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài.</p> <p><del>2. Việc ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện theo quy định tại Chương II của Luật này.</del></p> <p><del>3. Thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế trong trường hợp không ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được quy định như sau:</del></p> <p><del>a) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia</del></p>

	<p>gia nhập;</p> <p>b) Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Chủ tịch nước phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập;</p> <p>c) Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Chính phủ quyết định phê duyệt, gia nhập hoặc ký nhưng không phải phê chuẩn, phê duyệt.</p> <p>4. Văn bản quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên của điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn; thời gian, địa điểm ký và thời điểm có hiệu lực;</p> <p>b) Nội dung sửa đổi, bổ sung, thời gian gia hạn điều ước quốc tế;</p> <p>c) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>5. Trình tự, thủ tục quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện như sau:</p> <p>a) Cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi trình Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;</p> <p>b) Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm c khoản 3 Điều</p>	<p>nhập;</p> <p><del>b) Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Chủ tịch nước phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập;</del></p> <p><del>c) Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế do Chính phủ quyết định phê duyệt, gia nhập hoặc ký nhưng không phải phê chuẩn, phê duyệt.</del></p> <p>4. Văn bản quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Tên của điều ước quốc tế được sửa đổi, bổ sung, gia hạn; thời gian, địa điểm ký và thời điểm có hiệu lực;</p> <p>b) Nội dung sửa đổi, bổ sung, thời gian gia hạn điều ước quốc tế;</p> <p>c) Trách nhiệm của cơ quan đề xuất, Bộ Ngoại giao và cơ quan, tổ chức có liên quan.</p> <p>5. Trình tự, thủ tục quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế được thực hiện như sau:</p> <p>a) Cơ quan đề xuất có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan trước khi trình <b>Thủ tướng</b> Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;</p> <p>b) Thủ tướng Chính phủ quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại <del>điểm c khoản 3 Điều này</del> <b>Điều 39 của Luật này; Thủ tướng Chính phủ</b> trình Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều</p>
--	---	--

	<p>này; trình Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;</p> <p>c) Chủ tịch nước quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; trình Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;</p> <p>d) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm a khoản 3 Điều này theo trình tự, thủ tục tương tự trình tự, thủ tục phê chuẩn điều ước quốc tế quy định tại các điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật này.</p> <p>6. Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế trong trường hợp không ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế bao gồm:</p> <p>a) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;</p> <p>b) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức; kiến nghị biện pháp xử lý;</p> <p>c) Văn bản điều ước quốc tế;</p> <p>d) Đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước</p>	<p>ước quốc tế quy định tại điểm <del>b</del> <b>khoản 3 Điều này</b> <b>khoản 2 Điều 29 của Luật này;</b></p> <p>c) Chủ tịch nước <del>quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;</del> trình Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm <del>a</del> <b>khoản 3 Điều này</b> <b>khoản 1 Điều 29 của Luật này;</b></p> <p>d) Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế quy định tại điểm a khoản 3 Điều này theo trình tự, thủ tục tương tự trình tự, thủ tục phê chuẩn điều ước quốc tế quy định tại các điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật này.</p> <p>6. Hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế <del>trong trường hợp không ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế</del> bao gồm:</p> <p>a) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế;</p> <p>b) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức; kiến nghị biện pháp xử lý;</p> <p>c) Văn bản điều ước quốc tế;</p> <p>d) Đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan nhà</p>
--	---	---

	quốc tế của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan nhà nước có liên quan của Việt Nam.	nước có liên quan của Việt Nam.
Bổ sung khoản 3 Điều 58	<p><b>Điều 58. Lưu trữ điều ước quốc tế</b></p> <p>1. Bộ Ngoại giao lưu trữ bản chính điều ước quốc tế hai bên; bản sao điều ước quốc tế nhiều bên mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên được cơ quan lưu chiếu chứng thực; văn kiện phê chuẩn, phê duyệt hoặc gia nhập điều ước quốc tế; giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế; giấy ủy nhiệm tham dự hội nghị quốc tế và các văn kiện khác có liên quan.</p> <p>2. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm gửi Bộ Ngoại giao bản chính hoặc bản sao được chứng thực và bản dịch bằng tiếng Việt của điều ước quốc tế, giấy ủy quyền đàm phán, ký điều ước quốc tế của phía nước ngoài theo thời hạn quy định tại Điều 26 và Điều 46 của Luật này.</p>	<p><b>3. Hồ sơ đề xuất ký kết điều ước quốc tế, điều ước quốc tế được lưu trữ theo quy định pháp luật về lưu trữ.</b></p>
Sửa đổi, bổ sung Điều 60	<p>1. Điều ước quốc tế có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được đăng tải trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Công thông tin điện tử của cơ quan đề xuất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài hoặc có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Trong trường hợp có yêu cầu không đăng tải điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của</p>	<p>1. Điều ước quốc tế có hiệu lực đối với nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải được đăng tải trên Công báo <del>nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam</del> <b>điện tử</b> và Công thông tin điện tử của cơ quan đề xuất, trừ trường hợp có thỏa thuận khác giữa bên Việt Nam và bên ký kết nước ngoài hoặc có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>Trong trường hợp có yêu cầu không đăng tải điều ước quốc tế, cơ quan đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Bộ Ngoại</p>

	<p>Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm thông báo nội dung phải thực hiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quy định có liên quan của điều ước quốc tế.</p> <p>2. Cơ quan Công báo đăng tải điều ước quốc tế trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi.</p> <p>3. Cơ quan đề xuất đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải đăng tải cả bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt.</p> <p>4. Bộ Ngoại giao đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày sao lục điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 59 của Luật này.</p>	<p>giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm thông báo nội dung phải thực hiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện quy định có liên quan của điều ước quốc tế.</p> <p>2. Cơ quan Công báo đăng tải điều ước quốc tế trên Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. <b>Văn bản đăng tải trên Công báo điện tử có giá trị như bản sao điều ước quốc tế quy định tại Điều 61 của Luật này.</b></p> <p>3. Cơ quan đề xuất đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan mình trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được bản sao điều ước quốc tế có hiệu lực do Bộ Ngoại giao gửi. Trong trường hợp điều ước quốc tế chỉ được ký bằng tiếng nước ngoài thì phải đăng tải cả bản dịch điều ước quốc tế bằng tiếng Việt.</p> <p>4. Bộ Ngoại giao đăng tải điều ước quốc tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Ngoại giao trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày sao lục điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 59 của Luật này.</p>
Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 63	<p>4. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời trình Chủ tịch nước hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định trong trường hợp có sự thay đổi về người được ủy quyền hoặc người được ủy nhiệm; Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục đối ngoại về cấp giấy ủy</p>	<p>4. Cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời trình <b>Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc thay đổi người được ủy quyền ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ; trình Thủ tướng Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước quyết định việc thay</b></p>



	quyền hoặc giấy ủy nhiệm theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này sau khi có quyết định của Chủ tịch nước hoặc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.	<p><b>đổi người được ủy quyền ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước;</b></p> <p><b>Trong trường hợp có sự thay đổi về người được ủy nhiệm, cơ quan đề xuất có trách nhiệm kịp thời trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.</b></p> <p>Bộ Ngoại giao hoàn thành thủ tục đối ngoại về cấp giấy ủy quyền hoặc giấy ủy nhiệm theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này sau khi có quyết định của Chủ tịch nước hoặc <del>Chính phủ</del>, Thủ tướng Chính phủ.</p>
Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64	1. Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ về việc phê chuẩn, phê duyệt, quyết định gia nhập điều ước quốc tế.	1. Bộ Ngoại giao thông báo cho bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan lưu chiếu điều ước quốc tế nhiều bên về việc phê chuẩn, phê duyệt, gia nhập điều ước quốc tế trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Quốc hội, Chủ tịch nước hoặc Chính phủ về việc phê chuẩn, phê duyệt, quyết định gia nhập điều ước quốc tế, <b>trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 71a.</b>
Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 70	3. Trình tự, thủ tục đàm phán, ký, phê duyệt, sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ về vay nợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công	3. Trình tự, thủ tục đàm phán, ký, phê duyệt, <b>phê chuẩn</b> , sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế <del>nhân danh Chính phủ</del> về vay nợ nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công
Sửa đổi, bổ sung Điều 71	Trong trường hợp cơ quan đề xuất xác định nội dung và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 17 của Luật này trước khi đàm phán thì có thể đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế.	Trong trường hợp cơ quan đề xuất xác định nội dung và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất ký điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 17 của Luật này <del>trước khi đàm phán</del> thì có thể đồng thời đề xuất đàm phán và ký điều ước quốc tế.

Bổ sung Điều 71a		<p>1. Trong trường hợp cơ quan đề xuất xác định điều ước quốc tế có thể được phê duyệt ngay sau khi ký và tập hợp đầy đủ tài liệu cần thiết trong hồ sơ đề xuất phê duyệt điều ước quốc tế theo quy định tại Điều 40 của Luật này thì có thể đồng thời đề xuất ký và phê duyệt điều ước quốc tế.</p> <p>2. Bộ Ngoại giao tiến hành thủ tục thông báo đối ngoại về việc phê duyệt trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản chính điều ước quốc tế theo khoản 1 Điều 26 của Luật này.</p> <p>3. Trong trường hợp có những thay đổi dẫn đến việc đồng thời ký và phê duyệt không còn phù hợp, cơ quan đề xuất phối hợp với Bộ Ngoại giao, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.</p>
Sửa đổi, bổ sung khoản 1, bổ sung khoản 1a Điều 72	<p>1. Trình tự, thủ tục rút gọn được áp dụng đối với việc đàm phán, ký điều ước quốc tế trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Điều ước quốc tế theo mẫu được quy định tại điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cùng một bên ký kết nước ngoài hoặc theo mẫu được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;</p> <p>b) Theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục rút gọn đối với việc đàm phán, ký điều ước quốc tế được thực hiện như sau:</p> <p>a) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Luật này có trách</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục rút gọn được áp dụng đối với việc đàm phán, ký điều ước quốc tế trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Điều ước quốc tế theo mẫu được quy định tại điều ước quốc tế giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với cùng một bên ký kết nước ngoài hoặc theo mẫu được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận;</p> <p>b) Theo quyết định của <b>Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở kiến nghị của cơ quan đề xuất</b>.</p> <p><b>1a. Thủ tướng Chính phủ quyết định mẫu điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, việc sửa đổi mẫu điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trình Chủ tịch</b></p>

	<p>nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến;</p> <p>b) Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến theo quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này, cơ quan kiểm tra, cơ quan thẩm định điều ước quốc tế có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến, đề nghị kiểm tra, thẩm định;</p> <p>c) Hồ sơ đề nghị kiểm tra điều ước quốc tế bao gồm tài liệu quy định tại các khoản 1, 2, 5 và 6 Điều 19 của Luật này;</p> <p>d) Hồ sơ đề nghị thẩm định điều ước quốc tế bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều 21 của Luật này;</p> <p>đ) Hồ sơ trình về việc ký điều ước quốc tế bao gồm tài liệu quy định tại các khoản 1, 2 và 6 Điều 17 của Luật này;</p> <p>e) Tờ trình về việc ký điều ước quốc tế phải có đánh giá tác động chính trị, quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và các tác động khác của điều ước quốc tế, đánh giá sự tương thích của điều ước quốc tế đề xuất ký với điều ước quốc tế trong cùng lĩnh vực mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, đánh giá sự phù hợp giữa quy định của điều ước quốc tế với quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>nước xem xét, quyết định điều ước quốc tế mẫu nhân danh Nhà nước, việc sửa đổi mẫu điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, trên cơ sở kiến nghị của cơ quan đề xuất. Thủ tướng Chính phủ quy định trình tự, thủ tục về việc trình mẫu điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, Nhà nước.</p>
Bổ sung Điều 72a		Trường hợp cần thiết để kịp thời xử lý các yêu cầu

		thực tế, Chủ tịch nước, Chính phủ uỷ quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đàm phán, ký các điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước.
Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 73	1. Đối với những sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế chỉ mang tính kỹ thuật và trong trường hợp không ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, cơ quan đề xuất không nhất thiết phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan quy định tại điểm a khoản 5 Điều 54 của Luật này trước khi trình Chính phủ. Trong trường hợp được lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.	1. Đối với những sửa đổi, bổ sung điều ước quốc tế chỉ mang tính kỹ thuật, không làm thay đổi tính chất quyền và lợi ích của Việt Nam, phù hợp với chủ trương ký kết điều ước quốc tế đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định và trong trường hợp không ký kết điều ước quốc tế mới để sửa đổi, bổ sung, cơ quan đề xuất không nhất thiết phải lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan quy định tại điểm a khoản 5 Điều 54 của Luật này trước khi trình <b>Thủ tướng</b> Chính phủ. Trong trường hợp được lấy ý kiến, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ lấy ý kiến.

**BÁO CÁO RÀ SOÁT**  
**CÁC CHỦ TRƯỞNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG, VĂN BẢN QUY PHẠM**  
**PHÁP LUẬT, ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN**  
**KHI BAN HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ NĂM 2016**

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Bộ Ngoại giao tiến hành rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan khi ban hành Luật sửa đổi Luật Điều ước quốc tế năm 2016 như sau:

**1. Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến dự thảo Luật**

- **Nghị quyết số 22/NQ-BCT ngày 10/4/2013** của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế nêu rõ “*ng nghiêm chỉnh thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam đi đôi với chủ động, tích cực tham gia xây dựng và tận dụng hiệu quả các quy tắc, luật lệ quốc tế*”. Tương tự, các **Nghị quyết 34-NQ/TW ngày 09/01/2023** của Bộ Chính trị về một số định hướng, chủ trương lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng và Kết luận số 71-KL/TW ngày 16/02/2024 về một số nhiệm vụ, giải pháp lớn triển khai đường lối đối ngoại Đại hội XIII của Đảng; **Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025** của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc tôn trọng, thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế, và nâng cao năng lực thực hiện các cam kết này.

- Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ XIII (2021) khẳng định: “*Tích cực triển khai các cam kết khu vực và quốc tế, lồng ghép với các chiến lược, chính sách, kế hoạch và chương trình phát triển kinh tế - xã hội..., thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại đã ký kết*”.

- **Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 9/11/2022** Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm “*tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên*” và nhiệm vụ “*Chủ động tham gia, đóng góp vào việc xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự quốc tế, khu vực. Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế... Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.*”

- **Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024** của Bộ Chính trị về Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (Nghị quyết 57) xác định: *“Chủ động, tích cực tham gia xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn quốc tế về các công nghệ mới bảo đảm an toàn và cùng có lợi. Thúc đẩy nâng cao năng lực và chuyển giao công nghệ trong các thoả thuận quốc tế, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên tham gia.”*

- **Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025** của Bộ Chính trị về Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết 66) xác định một trong những nhiệm vụ, giải pháp là: *“Hoàn thiện cơ chế, nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam để bảo đảm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý quốc tế, định hình trật tự pháp lý quốc tế; tham gia tích cực vào việc xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế: tận dụng hiệu quả, linh hoạt các lợi thế từ cam kết của các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.”*

- **Nghị quyết số 68/NQ-TW ngày 04/5/2025** của Bộ Chính trị về Phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết 68) xác định *“tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, ổn định, an toàn, dễ thực thi, chi phí thấp, đạt chuẩn quốc tế, bảo đảm khả năng cạnh tranh khu vực, toàn cầu”* đồng thời *“nâng cao năng lực thực thi, tận dụng các cam kết quốc tế ... cho khu vực kinh tế tư nhân”*.

- **Chỉ thị 25-CT/TW ngày 8/8/2018** của Ban Bí thư về đẩy mạnh và nâng tầm đối ngoại đa phương đến năm 2030 và Kết luận 125-KT/TW năm 2025 cũng xác định chủ động, tích cực triển khai các cam kết quốc tế trong các lĩnh vực về kinh tế, xã hội, môi trường, giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ, văn hóa và các lĩnh vực khác.

- **Chỉ thị 15-CT/TW ngày 10/8/2022** của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước đến năm 2030 xác định *“thực thi và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, chủ động xử lý các vấn đề phức tạp nảy sinh trong quá trình thực hiện các cam kết, giảm thiểu tối đa thiệt hại, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Đàm phán và ký kết các hiệp định thương mại tự do phù hợp với ưu tiên và lợi ích của ta”*.



## 2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Luật

### 2.1. Hiến pháp Việt Nam năm 2013:

- Điều 12: “*Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi; tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế vì lợi ích quốc gia, dân tộc, góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.*”

- Điều 70: Quốc hội có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

“14. ... *phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, các điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội*”

- Điều 88: Chủ tịch nước có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

“6. ... *quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước; trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế quy định tại khoản 14 Điều 70; quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khác nhân danh Nhà nước.*”

- Điều 96: Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

“7. *Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn quy định tại khoản 14 Điều 70; ...*”

- Điều 98: Thủ tướng Chính phủ có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

“5. *Quyết định và chỉ đạo việc đàm phán, chỉ đạo việc ký, gia nhập điều ước quốc tế thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ; tổ chức thực hiện điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.*”

## 2.2. Luật Tổ chức Quốc hội năm 2016

Điều 18. Phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế

*“Quốc hội phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của điều ước quốc tế liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia, tư cách thành viên của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng, điều ước quốc tế về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân và điều ước quốc tế khác trái với luật, nghị quyết của Quốc hội theo đề nghị của Chủ tịch nước.”*

## 2.3. Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chính phủ

*“3. Trình Chủ tịch nước quyết định phê chuẩn, gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực đối với điều ước quốc tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước; quyết định đặc xá theo quy định của pháp luật”;*

*“8. Chính phủ quy định các chính sách theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Chính phủ, chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể sau đây: c) Tổ chức đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước theo ủy quyền của Chủ tịch nước; quyết định việc ký, gia nhập, phê duyệt hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, trừ điều ước quốc tế trình Quốc hội phê chuẩn theo quy định của Hiến pháp”*

## 2.4. Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025

- Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bao gồm “2. ...không trái với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên”. Nguyên tắc này sau đó được thể hiện tại yêu cầu về việc đánh giá tính tương thích của các chính sách/ văn bản quy phạm pháp luật với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên như tại các Điều 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 37, 40), và việc bảo đảm thực hiện theo quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên về việc công khai dự thảo thông tư của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước (Điều 46, 48), và phạm vi không gian áp dụng của Luật trong trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác (Điều 54).

- Điều 58, khoản 5. *Việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật trong nước không được cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ*

nghĩa Việt Nam là thành viên. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trong nước và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó, trừ Hiến pháp.

## 2.5. Luật Quản lý nợ công năm 2017

- Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước:

*“1. Quyết định đàm phán, ký kết, phê chuẩn và điều chỉnh thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nhân danh Nhà nước theo quy định của Luật Điều ước quốc tế.”*

- Điều 29. Vay ODA, ưu đãi nước ngoài

*“6. Chủ tịch nước, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo tổ chức đàm phán, ký kết thỏa thuận vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài:*

*a) Trường hợp thỏa thuận vay là điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, Chính phủ trình Chủ tịch nước việc đàm phán, ký kết, phê chuẩn”*

- Điều 60. Báo cáo thông tin về nợ công

*“1. Hằng năm hoặc theo yêu cầu, Chính phủ báo cáo Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước thông tin về nợ công, bao gồm: c) Tình hình đàm phán, ký kết điều ước quốc tế về nợ công”*

**2.6. Luật Điều ước quốc tế năm 2016** trong đó quy định cụ thể về định nghĩa, thủ tục, trình tự ký kết, thực hiện, sửa đổi và chấm dứt điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Sau khi Luật trên được thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 22/CT-TTg ngày 23/5/2017 đề ra một số biện pháp nhằm tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế.

**2.7.** Ngoài ra, các **luật chuyên ngành** đều có quy định việc thực hiện luật đó phải phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, như Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020, Luật Phòng chống rửa tiền năm 2022, Luật Viễn thông 2023 ...

**2.8. Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025** của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại: trong đó quy định về việc phân quyền, phân cấp trong công tác điều ước quốc tế, bao gồm: đàm phán, phê chuẩn điều ước quốc tế nhân danh Nhà nước, quyết định thay đổi người được uỷ

quyền ký điều ước quốc tế nhân danh Chính phủ, cho phép ký điều ước quốc tế theo mẫu; quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn điều ước quốc tế theo trình tự, thủ tục rút gọn.

**2.9. Thông tư 54/2021/TT-BCA ngày 15/5/2021** của Bộ Công an quy định về công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành, quy định về nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, bảo lưu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện điều ước quốc tế; nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục ký kết, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, tổ chức thực hiện thỏa thuận quốc tế và các hoạt động khác có liên quan đến công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế trong Công an nhân dân.

### **3. Điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên**

#### **Công ước Viên về Luật Điều ước quốc tế năm 1969**

Công ước được ký năm 1969 và có hiệu lực từ năm 1980, quy định các nguyên tắc và quy trình về ký kết, thực hiện, giải thích, sửa đổi và chấm dứt điều ước quốc tế giữa các quốc gia. Công ước định nghĩa điều ước quốc tế là một thỏa thuận quốc tế được ký kết bằng văn bản giữa các quốc gia và được điều chỉnh bởi luật pháp quốc tế, dù được thể hiện trong một văn kiện đơn nhất hay trong hai hay nhiều văn kiện có liên quan, và bất kể tên gọi cụ thể. Công ước khẳng định nguyên tắc các điều ước quốc tế phải được tôn trọng và thực hiện một cách thiện chí, là cơ sở pháp lý quan trọng trong quan hệ quốc tế hiện nay./.